

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/HS-ST
Ngày 26-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Gia Khải;

2. Ông Đặng Ngọc Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 8 năm 2022 đối với:

Bị cáo Nguyễn Trọng T sinh ngày 25/8/1991 tại: Huyện H, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Trọng T (đã chết) và bà: Nguyễn Thị H sinh năm 1964; vợ: chưa có; con: Có 01 con sinh năm 2015 với chị Phạm Thị H sinh năm 1997

Tiền sự: Không;

Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 591/2019/HS-ST ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, chấp hành xong án phạt tù ngày 30/01/2021, chấp hành xong án phí ngày 17/9/2020.

Nhân thân: Năm 2010 nhập ngũ đến tháng 8/2011 xuất ngũ về địa phương. Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 25/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình, áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, thời

hạn 03 tháng, chấp hành xong ngày 26/7/2016. Quyết định số 12/QĐ-TA ngày 26/9/2012 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình, áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng, chấp hành xong quyết định ngày 19/3/2018.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/6/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh Thái Bình.

Bị hại: Sở Giao thông vận tải TB

Địa chỉ: Số N, đường Đ, thành phố TB, tỉnh Thái Bình

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Xuân X

Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Kim Duy A sinh năm 1986

Trú tại: Tổ A, phường L, thành phố TB, tỉnh Thái Bình

Chức vụ: Nhân viên Ban quản lý và bảo trì công trình đường bộ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1958

- Bà Thái Thị T1, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn N, huyện H, tỉnh Thái Bình

Người làm chứng:

- Ông Hà Văn L, sinh năm 1957

Địa chỉ: K2, thị trấn HH, huyện H, tỉnh Thái Bình

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987

Là cán bộ tuần đường Hạt 1, Công ty cổ phần X tỉnh Thái Bình

Trú tại: Tổ X, thị trấn B, huyện P, tỉnh Thái Bình

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo và ông A; vắng mặt ông H1, bà T1, ông L và ông Q)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do không có việc làm, để có tiền chi tiêu, vào các ngày 31/5/2022 và ngày 01/6/2022, Nguyễn Trọng T đã 02 lần thực hiện 02 vụ trộm cắp được 60 tấm đệm U kim loại, mỗi tấm đệm U có kích thước (160 x 160 x 360 x 4)mm; 60 bu lông ốc, mỗi bu lông ốc dài 40cm; 60 mặt phản quang hình tam giác của thành hộ lan giao thông T1 đường ĐT 396B, thôn Đ3, xã ĐH, huyện P, là tài sản do Sở Giao thông vận tải TB quản lý, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Tối ngày 30/5/2022, Nguyễn Trọng T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Fanlim, sơn màu nâu, biển kiểm soát 17F6 – 1080, yên xe lắp giá đỡ hàng kim loại, mang theo 02 mỏ lết (01 mỏ lết dài 25cm, cán bọc nhựa màu đỏ đen; 01 mỏ lết dài 30cm, thân in dòng chữ FORGED STEEL); 01 kìm dài 19cm, cán bọc nhựa màu đen; 01 dây cao su dài 4,95m; 01 xà beng dài 1,09m; 04 găng tay vải; 01 đèn pin, từ nhà ra đường HT, mục đích tháo trộm tấm đệm U của thành hộ lan đường HT nhưng không lấy được do các tấm đệm U đã được hàn với bu lông ốc. T tiếp tục điều khiển xe đến ngã tư giao nhau giữa đường HT với đường ĐT396B rẽ phải vào đường 369B, hướng vào ngã ba Đ. Khoảng 03 giờ ngày 31/5/2022, tới thôn Đ3, xã ĐH, huyện P, T dừng xe, dựng ở mép đường bên phải, xuống kiểm tra phát hiện tấm đệm U và bu lông ốc thành hộ lan đường ĐT396B không hàn có thể tháo được. T dùng mỏ lết, mang theo vạy, tháo bu lông ốc dài 40cm nối giữa cột U và thanh hộ lan rồi rút ốc, giật tấm đệm U có kích thước (160 x 160 x 360 x 4)mm ra, đặt bu lông ốc, mắt phản quang hình tam giác và tấm đệm U xuống đường. Với cách thức trên, T lần lượt tháo trộm được tổng số 30 tấm đệm U, 30 bu lông ốc, 30 mắt phản quang. Sau đó, T bê các tài sản trên lên giá đỡ hàng, dùng dây cao su buộc lại, rồi điều khiển xe sang thị trấn Hưng Nhân, huyện H tìm chỗ tiêu thụ. Đến khoảng 06 giờ sáng cùng ngày, trên đường đi thấy cửa hàng thu mua phế liệu H1 T1, của bà Thái Thị T1. T dừng xe gọi cửa thì ông Nguyễn Văn H1 là chồng bà T1 ra. T hỏi “*Chú cân cho cháu ít sắt*”. Nghe vậy bà T1 ra nói “*Chỉ cân sắt vụ giá 9.500.000 đồng/1kg*”. T đáp “*Cháu bán sắt vụn thôi*”. Bà T1 hỏi “*Sắt ở đâu*”. T đáp “*Sắt thừa trong kho đen bán*”. Sau đó, T cùng bà T1 lần lượt bê 30 tấm đệm U, 30 bu lông ốc, 30 mắt phản quang cân được 210kg. Bà T1 tính trả cho T số tiền 2.000.000 đồng. Số tiền trên T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Chiều cùng ngày, bà T1 đã chuyển 30 bu lông ốc và 30 mắt phản quang đi tái chế phế liệu.

Bản kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐGTS ngày 03/6/2022 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận giá trị các tài sản như sau: 30 tấm đệm U kim loại, mỗi tấm có kích thước (160 x 160 x 360 x 4)mm, trị giá 5.400.000 đồng; 30 bu lông ốc dài 40cm, trị giá 1.080.000 đồng; 30 mắt phản quang hình tam giác trị giá 630.000 đồng. Tổng cộng giá trị 7.110.000 đồng.

Vụ thứ hai: Đêm ngày 31/5/2022, T điều khiển chiếc xe mô tô trên mang theo các công cụ như tối ngày 30/5/2022, đi từ nhà theo đường HT đến đường ĐT369B. Vào khoảng 03 giờ ngày 01/6/2022, T đến vị trí tịnh tiến đã trộm hôm trước, T dừng xe ở mép đường bên phải, cùng cách trộm cắp như sáng ngày 31/5/2022, T tháo trộm được tổng số 30 đệm U kim loại, 30 bu lông ốc, 30 mắt phản quang. Sau đó bê các tài sản này lên giá đỡ hàng, dùng dây cao su buộc lại, điều khiển xe tới cửa hàng thu mua phế liệu H1 T1 cân được 210kg, bán cho bà T1 được số tiền 2.000.000 đồng.

Bản kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐGTS ngày 03/6/2022 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận giá trị các tài sản

như sau: 30 tấm đệm U kim loại, mỗi tấm có kích thước (160 x 160 x 360 x 4)mm, trị giá 5.400.000 đồng; 30 bu lông ốc dài 40cm, trị giá 1.080.000 đồng; 30 mắt phản quang hình tam giác trị giá 630.000 đồng. Tổng cộng giá trị 7.110.000 đồng.

Chiều ngày 01/6/2022, Anh Nguyễn Văn Q là cán bộ tuần đường Hạt 1, Công ty cổ phần quản lý đường bộ tỉnh TB, thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra T1 đường ĐT396B phát hiện tấm đệm U kim loại, bu lông ốc, mắt phản quang thành hộ lan giao thông trên đường ĐT396B, thuộc thôn Đ3, xã ĐH, huyện P bị mất nên đã làm đơn trình báo Công an huyện P. Khoảng 03 giờ 45 phút ngày 02/6/2022, Cơ quan điều tra Công an huyện P phối hợp với Công an xã ĐH tuần tra phát hiện Nguyễn Trọng T đang tháo trộm 03 bu lông ốc, 03 mắt phản quang của thành hộ lan bên đường nên đã yêu cầu T về trụ sở Ủy ban nhân dân xã ĐH để làm việc. Tại đây, T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản và giao nộp các công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội cho Cơ quan điều tra quản lý. Cùng ngày, ông Nguyễn Văn H1 và bà Thái Thị T1 đã tự nguyện nộp 60 tấm đệm U, 30 bu lông ốc, 30 mắt phản quang đã mua của Nguyễn Trọng T cho cơ quan Cảnh sát điều tra quản lý.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và nhất trí bồi thường cho Sở giao thông vận tải tỉnh Thái Bình số tiền 2.850.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện cho bị hại Ông Kim Duy Akhai: Ông xác nhận Sở giao thông vận tải tỉnh Thái Bình có mất các tài sản mà Sở đang quản lý do bị cáo trộm cắp từ ngày 31/5 đến ngày 01/6/2022 gồm: 60 tấm đệm U kim loại, 63 bu lông ốc và 63 mắt phản quang tại đường ĐT369B, thuộc thôn Đ3, xã ĐH, huyện P. Sở đã nhận lại: 60 tấm đệm U kim loại, 33 bu lông ốc và 33 mắt phản quang. Số tài sản còn lại chưa thu hồi được 30 bu lông ốc và 30 mắt phản quang, Sở yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá số tiền 2.850.000 đồng, không yêu cầu công lắp đặt các tài sản này. Về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 và bà Thái Thị T1 khai: Ông bà là vợ chồng, trong ngày 31/5/2022 và 01/6/2022, mỗi ngày ông bà có mua của bị cáo 30 tấm đệm U kim loại, 30 bu lông ốc và 30 mắt phản quang, với số tiền 2.000.000 đồng. Tổng cộng 02 ngày 60 tấm U kim loại, 60 bu lông ốc và 60 mắt phản quang, tổng số tiền 4.000.000 đồng. Sau khi được cơ quan điều tra thông báo ông, bà đã tự nguyện nộp lại cho Cơ quan điều tra 60 tấm đệm U kim loại, 30 bu lông ốc và 30 mắt phản quang. Số tài sản còn lại 30 bu lông ốc và 30 mắt phản quang đã đem đi tái chế nên không nộp lại được. Ông bà không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Ông bà không yêu cầu bị cáo phải trả lại ông bà số tiền 4.000.000 đồng.

Quá trình điều tra người làm chứng ông Hà Văn L khai: Khoảng cuối năm 2021, ông có bán cho Nguyễn Trọng T 01 xe mô tô nhãn hiệu Fanlim, sơn màu

nâu, biển kiểm soát 17F6 – 1080, đăng ký xe mang tên ông. T đưa tiền, ông giao xe cùng đăng ký xe cho T.

Bản cáo trạng số 75/CT-VKSQP ngày 01/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình truy tố Nguyễn Trọng T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Trọng T. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 03/6/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo;

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự: buộc bị cáo phải bồi thường cho Sở Giao thông vận tải TB trị giá 30 bu lông ốc, 30 mắt phản quang, tổng số tiền 2.850.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H1 và bà Thái Thị T1 về việc không yêu cầu bị cáo hoàn lại số tiền 4.000.000 đồng.

Về vật chứng áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu hóa giá nộp Ngân sách nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Fanlim, biển kiểm soát 17F6-1080 kèm theo 01 đăng ký xe số A0076713 mang tên Hà Văn L; Tịch thu để tiêu hủy: 01 giá đỡ hàng bằng kim loại, 02 mỏ lết bằng kim loại, 01 kìm, 01 sợi dây cao su, 01 xà beng, 04 găng tay vải, 01 đèn pin.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất ân hận về hành vi mà mình đã thực hiện và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đều thừa nhận do thiếu tiền chi tiêu nên bị cáo đã đi trộm cắp tài sản. Bị cáo đã đủ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng lời khai của bị hại, người người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, bản kết luận định giá tài sản cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Rạng sáng các ngày 31/5/2022 và 01/6/2022, bị cáo Nguyễn Trọng T đã 02 lần thực hiện hành vi dùng mỏ lết vặn, tháo bu lông ốc nối giữa cột U và thanh hộ lan rồi rút ốc, giật tấm đệm U. Đã lấy được tổng số 60 tấm đệm U kim loại, mỗi tấm đệm có kích thước (160 x 160 x 360 x 4)mm, 60 bu lông ốc dài 40cm, 60 mắt phản quang hình tam giác của thành hộ lan giao thông trên T1 đường ĐT 396B, thuộc địa phận thôn Đ3, xã ĐH, huyện P, tỉnh Thái Bình, là tài sản do Sở Giao thông vận tải TB quản lý, tổng tài sản giá trị 14.220.000 đồng, trị giá tài sản mỗi lần là 7.110.000 đồng, chở đến bán cho cửa hàng thu mua phế liệu H1 T1 của bà Thái Thị T1 được số tiền 4.000.000 đồng, sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

“Điều 173.Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)Đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

.....

2.Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....

g) *Tái phạm nguy hiểm.*

5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”,

Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự trị an và tạo dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân, để có tiền chi tiêu, bị cáo không chịu lao động mà lại trộm cắp tài sản của người khác, bị cáo thực hiện hành vi một cách táo bạo, lợi dụng đêm tối và sơ hở trong việc quản lý tài sản, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật với mức án tương xứng hành vi bị cáo đã gây ra, việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để chấp hành hình phạt là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo riêng và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo thấy: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có thời gian tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo bị áp dụng tính tiết tăng nặng “*phạm tội từ hai lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã bị kết án về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” chưa được xóa án tích mà lại phạm tội nên bị cáo bị áp dụng tính tiết tăng nặng “*tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, đã bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc và bị kết án đều liên quan đến ma túy nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại liên tục thực hiện hành vi phạm tội. Từ những nhận định nêu trên nên về hình phạt áp dụng đối với bị cáo như mức Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ cho thấy bị cáo không có việc làm, không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Ngày 02/6/2022, bị cáo trộm cắp 03 bộ bu lông ốc và 03 mắt phản quang, do tổng giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp có giá trị 171.000 đồng nên Công an huyện P đã xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Số tài sản mà bị cáo trộm cắp là 60 tấm đệm U kim loại; 63 bộ bu lông ốc, 63 mắt phản quang (trong đó có 03 bộ bu lông ốc và 03 mắt phản quang bị cáo trộm cắp ngày 02/6/2022). Cơ quan điều tra đã thu hồi

và trả lại cho bị hại 60 tấm đệm U, 33 bu lông ốc, 33 mắt phản quang. Số còn lại bà T1 đã chuyển đi tái chế nên không thu hồi được. Đại diện bị hại không yêu cầu bị cáo thanh toán chi phí lắp đặt, yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị 30 bu lông ốc, 30 mắt phản quang chưa thu hồi được với số tiền 2.850.000 đồng (theo giá của Sở giao thông vận tải bu lông ốc 60.000 đồng/1bộ, mắt phản quang 35.000 đồng/cái) nên buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền trên là phù hợp với Điều 48 Bộ luật Hình sự. Số tiền 4.000.000 đồng bị cáo bán tài sản trộm cắp cho ông Nguyễn Văn H1 và bà Thái Thị T1 do bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết, Cơ quan cảnh sát điều tra không thu hồi được, ông H1, bà T1 không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền này, cần ghi nhận sự tự nguyện này của ông H1, bà T1 là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra có thu giữ các tài sản sở hữu của bị cáo: 01 xe mô tô nhãn hiệu Fanlim, biển kiểm soát 17F6 – 1080 và 01 đăng ký xe mô tô số A0076713 mang tên Hà Văn L. Đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu hóa giá nộp vào ngân sách Nhà nước; 01 giá chõ hàng bằng kim loại, 02 mỏ lết bằng kim loại, 01 kìm, 01 sợi dây cao su, 01 xà beng, 04 găng tay vải, 01 đèn pin. Những tài sản này đã cũ, giá trị không đáng kể nên cần tịch thu để tiêu hủy. Việc xử lý vật chứng như trên là phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Trọng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định là phù hợp với khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 03/6/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Trọng T phải bồi thường cho Sở Giao thông vận tải TB số tiền 2.850.000 đồng (*Hai triệu T trăm năm mươi nghìn đồng*);

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H1 và bà Thái Thị T1: Không yêu cầu bị cáo Nguyễn Trọng T phải trả lại số tiền 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*).

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu hoá giá nộp ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Fanlim, sơn màu nâu, biển kiểm soát 17F6 – 1080 kèm theo 01 đăng ký xe mô tô số A0076713 mang tên Hà Văn L.

- Tuyên tịch thu đồ tiêu huỷ: 01 giá chõ hàng bằng kim loại, 01 mỏ lết bằng kim loại dài 25cm, 01 mỏ lết bằng kim loại dài 30cm, 01 kìm, 01 sợi dây cao su, 01 xà beng, 04 gang tay vải, 01 đèn pin.

(Vật chứng trên đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/8/2022 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P)

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Trọng T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Trọng T và đại diện hợp pháp cho bị hại – Ông Kim Duy A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 và bà Thái Thị T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp cho bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện P;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an & Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THA hình sự CA tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- UBND xã C, huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên
(Đã ký)